

Số: **41** /2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày **16** tháng **6** năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS); Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019, Thông tư số 51/2022/TT-BTC ngày 11/8/2022 và Thông tư số 84/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS); Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019; Thông tư số 51/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Thông tư số 84/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS)

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 3 như sau:

“b) Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Đối với ngân sách cấp xã, Kho bạc Nhà nước (KBNN) nơi giao dịch thực hiện nhập, phê duyệt bút toán dự toán trên TABMIS và nhập Lệnh chi tiền của ngân sách cấp xã.”.

3. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng (-) thứ hai và thứ ba điểm b khoản 1 Điều 9 như sau:

“- Trực tiếp cài đặt, thiết lập môi trường (máy trạm, hạ tầng truyền thông) sẵn sàng cho việc vận hành TABMIS; kiểm tra, xử lý kịp thời các sự cố liên quan tại cơ quan tài chính trên địa bàn.

- Tổ chức công tác hỗ trợ người sử dụng TABMIS tại các phòng chuyên môn thuộc cơ quan tài chính trên địa bàn; kịp thời trao đổi, phản ánh các vướng mắc phát sinh về KBNN để phối hợp giải quyết”.

4. Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 10 như sau:

a) Bổ sung nội dung tại gạch đầu dòng (-) thứ ba điểm a khoản 2 Điều 10 như sau:

“+ Đối với ngân sách xã, thực hiện nhập, phê duyệt bút toán dự toán trên TABMIS (theo quy trình phân bổ dự toán từ cấp 0 đến cấp 1, cấp trung gian (nếu có), cấp 4 và nhập Lệnh chi tiền.

Thời hạn nhập, phê duyệt dự toán: đối với quy trình nhập, phân bổ, phê duyệt dự toán cấp 0, phân bổ cấp 0 đến cấp 1 là không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giao dự toán; đối với quy trình nhập, phân bổ, phê duyệt dự toán cấp 1 đến cấp trung gian (nếu có), cấp 4 không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giao dự toán. Thời hạn nhập Lệnh chi tiền không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Lệnh chi tiền.”.

b) Sửa đổi, bổ sung các nội dung tại điểm a khoản 3 Điều 10 như sau:

b1) Tại dấu cộng (+) thứ ba, gạch đầu dòng (-) thứ hai:

“+ Đối với ngân sách xã, thực hiện nhập, phê duyệt bút toán dự toán trên TABMIS (theo quy trình phân bổ dự toán từ cấp 0 đến cấp 1, cấp trung gian (nếu có), cấp 4 và nhập Lệnh chi tiền.

Thời hạn nhập, phê duyệt dự toán: đối với quy trình nhập, phân bổ, phê duyệt dự toán cấp 0, phân bổ cấp 0 đến cấp 1 là không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giao dự toán; đối với quy trình nhập, phân bổ, phê duyệt dự toán cấp 1 đến cấp trung gian (nếu có), cấp 4 không quá 02 ngày làm

việc kê từ ngày nhận được văn bản giao dự toán. Thời hạn nộp Lệnh chi tiền không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Lệnh chi tiền.”.

b2) Tại dấu cộng (+) thứ nhất và thứ hai, gạch đầu dòng (-) thứ tư:

“+ Khai thác, tổng hợp số liệu trên bộ sổ tính thuộc phạm vi đơn vị hoạt động theo các mẫu biểu quy định tại Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ KBNN;

+ Phối hợp với KBNN khu vực và các đơn vị liên quan trên địa bàn xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình truyền, nhận dữ liệu đảm bảo chính xác, kịp thời;”

b3) Tại dấu cộng (+) thứ nhất và thứ hai, gạch đầu dòng (-) thứ năm:

“+ Báo cáo các cơ quan có thẩm quyền thông tin về tình hình thu, chi, quyết toán NSNN và các thông tin khác thuộc địa bàn theo yêu cầu quản lý;

+ Định kỳ cung cấp cho các đơn vị khác thông tin kế toán trên TABMIS, trường hợp cần thiết thực hiện theo yêu cầu của các đơn vị trên địa bàn theo quy định của pháp luật;”.

5. Thay thế cụm từ “Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và cơ quan tài chính tỉnh, huyện có trách nhiệm:” bằng cụm từ “Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:” tại Điều 4; thay thế cụm từ “KBNN và KBNN tỉnh, huyện có trách nhiệm:” bằng cụm từ “KBNN và KBNN khu vực (bao gồm Phòng Giao dịch) có trách nhiệm:” tại Điều 5; thay thế cụm từ “Tổng Giám đốc KBNN” bằng cụm từ “Giám đốc KBNN” tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 10, Điều 13; thay thế cụm từ “KBNN tỉnh” bằng cụm từ “KBNN khu vực” tại điểm c khoản 1 Điều 3, Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 9, điểm b khoản 1 Điều 10, tên khoản 2 Điều 10, điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 10, điểm a, c khoản 3 Điều 10; thay thế cụm từ “KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” bằng cụm từ “KBNN khu vực” tại điểm c khoản 1 Điều 3; thay thế cụm từ “KBNN huyện” bằng “Phòng Giao dịch” tại điểm c khoản 1 Điều 3, điểm b khoản 2 Điều 10, tên khoản 3 Điều 10, điểm a khoản 3 Điều 10; thay thế cụm từ “KBNN các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh” bằng cụm từ “Phòng Giao dịch” tại điểm c khoản 1 Điều 3; thay thế cụm từ “Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện” bằng cụm từ “KBNN khu vực, Phòng Giao dịch” tại điểm b khoản 3 Điều 10; thay thế cụm từ “Giám đốc KBNN tỉnh” bằng cụm từ “Giám đốc KBNN khu vực” tại điểm c khoản 2 Điều 10, điểm c khoản 3 Điều 10; thay thế cụm từ “Giám đốc KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” bằng cụm từ “Giám đốc KBNN khu vực” tại Điều 13; thay thế cụm từ “Giám đốc KBNN huyện” bằng cụm từ “Trưởng Phòng Giao dịch” tại điểm c khoản 3 Điều 10; thay thế cụm từ “Sở Giao dịch KBNN”

bằng cụm từ “Ban Giao dịch - KBNN” tại điểm d khoản 2 Điều 10; thay thế cụm từ “Cục Tin học và Thống kê tài chính” bằng cụm từ “Cục Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số” tại khoản 5 Điều 2, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 6 Điều 5, khoản 5 Điều 8, điểm b, c khoản 1 Điều 10; thay thế cụm từ “Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp” bằng cụm từ “Vụ Tài chính - Kinh tế ngành” tại điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 8; thay thế cụm từ “Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính” bằng cụm từ “Vụ Các định chế tài chính” tại điểm a khoản 1 Điều 3; thay thế cụm từ “Cục Tài chính doanh nghiệp” bằng cụm từ “Cục Phát triển doanh nghiệp nhà nước” tại điểm a khoản 1 Điều 3; thay thế cụm từ “Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại” bằng cụm từ “Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại” tại khoản 1 Điều 3; thay thế cụm từ “Tổng cục Dự trữ Nhà nước” bằng cụm từ “Cục Dự trữ Nhà nước” tại điểm a khoản 1 Điều 3.

6. Bãi bỏ khoản 2 Điều 9, điểm d khoản 3 Điều 10.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại KBNN

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 như sau:

“3. Các chủ đầu tư có dự án đầu tư xây dựng cơ bản (ĐTXDCB) thuộc ngân sách các cấp;”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Các đơn vị, tổ chức được đăng ký và sử dụng tài khoản tại KBNN nơi đơn vị đóng trụ sở chính hoặc nơi thuận tiện giao dịch. Trường hợp đơn vị, tổ chức thay đổi KBNN giao dịch, phải tất toán tài khoản tại KBNN nơi đơn vị, tổ chức đã giao dịch, trừ tài khoản thu NSNN”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi gạch đầu dòng (-) thứ tư điểm b khoản 2 như sau: “Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã.”.

b) Sửa đổi điểm d khoản 3 như sau: “Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (quốc phòng, an ninh) không phải gửi Văn bản bổ nhiệm chức vụ/giao nhiệm vụ của chủ tài khoản. Các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang (quốc phòng, an ninh) không phải gửi Văn bản bổ nhiệm chức vụ/giao nhiệm vụ của Kế toán trưởng.”.

4. Sửa đổi, bổ sung tên mẫu biểu tại điểm d khoản 1 Điều 12 và mục VII Phụ lục II. Phương pháp ghi chép một số mẫu biểu, bảng biểu:

Sửa tên mẫu “Bảng đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi kinh phí ngân sách cấp của đơn vị được chuyển nguồn sang năm sau thuộc ngân sách trung ương (cấp tỉnh/cấp huyện) năm... chuyển sang năm...” thành “Bảng đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi kinh phí ngân sách cấp của đơn vị được chuyển nguồn sang năm sau thuộc ngân sách trung ương (cấp tỉnh) năm... chuyển sang năm...”.

5. Thay thế cụm từ “Đối chiếu tình hình thực hiện dự toán của các nhiệm vụ được chuyển nguồn sang năm sau của NSTW (Cấp tỉnh/cấp huyện) năm ... chuyển sang năm...” bằng cụm từ “Đối chiếu tình hình thực hiện dự toán của các nhiệm vụ được chuyển nguồn sang năm sau của năm ... chuyển sang năm...” tại điểm d khoản 2 Điều 12; thay thế cụm từ “Tổng Giám đốc KBNN” bằng cụm từ “Giám đốc KBNN” tại khoản 4 Điều 8, khoản 3 Điều 16; thay thế cụm từ “KBNN tỉnh, thành phố” bằng cụm từ “KBNN khu vực” tại khoản 2, 3 Điều 3; thay thế cụm từ “KBNN quận, huyện” bằng cụm từ “Phòng giao dịch” tại khoản 3 Điều 3; thay thế cụm từ “Sở Giao dịch - KBNN” bằng cụm từ “Ban Giao dịch - KBNN” tại điểm c khoản 1 Điều 10; thay thế cụm từ “Cục Quản lý nợ và tài chính đối ngoại” bằng cụm từ “Cục Quản lý nợ và kinh tế đối ngoại” tại gạch đầu dòng (-) thứ hai tiết (1) điểm a khoản 1 Điều 8.

6. Bỏ cụm từ “Thanh tra Tài chính” tại gạch đầu dòng thứ nhất (-) điểm c khoản 2 Điều 4.

7. Bãi bỏ một số điều, khoản của Thông tư số 18/2020/TT-BTC như sau:

a) Khoản 2 Điều 3.

b) Các quy định liên quan đến ngân sách cấp huyện tại tiết (1) điểm a khoản 1 Điều 8.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 93/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019, Thông tư số 51/2022/TT-BTC ngày 11/08/2022 và Thông tư số 84/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 3 như sau:

“d) Loại Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (ký hiệu 100)

Để phản ánh, hạch toán các khoản chi đầu tư và thường xuyên cho các hoạt động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.”

2. Bổ sung mã Chương thuộc cấp xã tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC như sau:

- Bổ sung mã Chương 830 “Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân”.

- Bổ sung mã Chương 831 “Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường và đặc khu Phú Quốc)”.

- Bổ sung mã Chương 832 “Phòng Văn hóa - Xã hội”.

- Bổ sung mã Chương 833 “Trung tâm Phục vụ hành chính công”.

3. Sửa tên mã Loại và bổ sung mã Khoản quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC như sau:

- Sửa tên Loại 100 “Khoa học và công nghệ” thành “Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”.

- Bổ sung Khoản 104 “Đổi mới sáng tạo” thuộc Loại 100.

- Bổ sung Khoản 105 “Chuyển đổi số” thuộc Loại 100.

4. Bổ sung Tiểu mục 7019 “Chi khoán khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” thuộc Mục 7000 “Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành” tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC.

5. Thay thế cụm từ “Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước” bằng cụm từ “Giám đốc Kho bạc Nhà nước” tại Điều 9 Thông tư số 324/2016/TT-BTC.

6. Thay thế cụm từ “Cục Thuế” bằng cụm từ “Thuế tỉnh/thành phố”; Thay thế cụm từ “Chi cục Thuế” bằng cụm từ “Thuế cơ sở” tại nội dung hướng dẫn hạch toán thuế Thu nhập cá nhân tại Mục 1000 “Thuế thu nhập cá nhân” của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 93/2019/TT-BTC).

7. Bỏ cụm từ “đối với cơ quan ở cấp huyện, mã số từ 600 đến 799” tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 324/2016/TT-BTC.

8. Bỏ cụm từ “ngân sách cấp huyện” tại điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư số 324/2016/TT-BTC.

9. Bãi bỏ một số điều, khoản của Thông tư số 324/2016/TT-BTC như sau:

a) Các quy định liên quan đến ngân sách cấp huyện tại khoản 2 Điều 5 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 84/2024/TT-BTC).

b) Điểm c khoản 2 Điều 7.

c) Các Chương thuộc cấp huyện (từ Chương 600 đến Chương 799) tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC.

10. Bãi bỏ nội dung ví dụ tại điểm a khoản 3 Điều 2 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 93/2019/TT-BTC).

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.
2. Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở TC các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- KBNN các khu vực;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KBNN (220 bản).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Bui Văn Khăng